

Bản án số: 257/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 4 - 2022

V/v: *Tranh chấp xác định cha cho con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

2. Ông Nguyễn Anh Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp xác định cha cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (Có mặt).

Trú tại: 28/1 VC, Phường 13, quận B, Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (Có mặt).

Trú tại: 63/20 đường D9, phường A, quận T, Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn D, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 47, khu phố 3 NT, phường BB, quận I, Thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị N trước đây là vợ chồng, nay đã ly hôn theo quyết định ly hôn số 461/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021 của Tòa án

nhân dân quận T, Theo quyết định thì trong quá trình chung sống ông D và bà N xác nhận có một con chung tên Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/8/2014; và theo giấy khai sinh số 134 quyền số 01/2014 ngày 16/10/2014 do Ủy ban nhân dân xã O, huyện E, tỉnh N thì trẻ Lê Nguyễn Hồng G có cha là ông Lê Văn D, mẹ là bà Nguyễn Thị N. Tuy nhiên thực tế, ông M xác định ông Lê Văn D không phải là cha ruột của trẻ Lê Nguyễn Hồng G mà ông M mới là cha ruột của trẻ G. Nay ông M yêu cầu Tòa án xác định trẻ Lê Nguyễn Hồng G là con ruột của ông theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn D trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo quyết định số 461/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021 của Tòa án nhân dân quận T, Theo quyết định thì trong quá trình chung sống bà N và ông D xác nhận có một con chung tên Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/8/2014 và theo giấy khai sinh số 134 quyền số 01/2014 ngày 16/10/2014 do Ủy ban nhân dân xã O, huyện E, tỉnh N thì trẻ Lê Nguyễn Hồng G có cha là ông Lê Văn D, mẹ là bà Nguyễn Thị N. Theo nội dung ông M khởi kiện nói trẻ Lê Nguyễn Hồng G là con ruột của ông M và bà N là hoàn toàn đúng sự thật, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2008, quyền số 03, ngày 16/9/2007 do Ủy ban nhân dân xã O, huyện E, tỉnh N cấp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng trước năm 2014 bà N có quan hệ tình cảm bất chính với ông M dẫn đến bà N có thai và sinh ra cháu Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/8/2014. Do ông D và bà N vẫn còn trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp nên giấy khai sinh của cháu Lê Nguyễn Hồng G ghi tên cha là ông Lê Văn D, mẹ là bà Nguyễn Thị N. Trong suốt quá trình chung sống với trẻ G, mặc dù biết trẻ G không phải là con ruột nhưng ông D vẫn hết lòng yêu thương trẻ, xem trẻ như con đẻ.

Việc ông M làm đơn khởi kiện bà N yêu cầu Tòa án xác định cha cho con đối với trẻ G thì ông không đồng ý thực hiện vì ông cho rằng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ, không yên tâm học tập. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ trên theo đúng quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật : Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 28; Điều 48; Điều 69; Điều 79; Điều 171; Điều 173; Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ông Nguyễn Văn M khởi kiện bà Nguyễn Thị N để yêu cầu xác định ông Nguyễn Văn M là cha đẻ của trẻ Lê Nguyễn Hồng G. Đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình về việc: “*Xác định cha cho con*” được quy định tại Điều 88 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị N hiện đang cư ngụ tại quận T, Thành phố H nên vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo quy định tại khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:* quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bị đơn bà Nguyễn Thị N và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D đều thừa nhận trẻ Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/8/2014 là con đẻ của ông Nguyễn Văn M.

Bà N cho rằng: sở dĩ, tại Giấy khai sinh số 134, quyển số 01/2014 do UBND xã O, huyện E, tỉnh N ghi Họ và tên cha của trẻ Lê Nguyễn Hồng G là Lê Văn D vì tại thời điểm đi khai sinh cho trẻ G giữa bà và ông D là quan hệ vợ chồng.

Căn cứ Kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số 7652-DTHPT-DNA HT ngày 30/12/2021 của Bệnh viện truyền máu huyết học thuộc sở y tế Thành phố H thể hiện: ‘*Hệ số kết hợp liên hệ cha con = 93311395,952; Xác suất liên hệ cha con = 99,9999%. Kết quả cho thấy người con và người cha giả định có chung một số gen ở tất cả các loci được khảo sát ở trên nên không loại bỏ được sự liên hệ huyết thống cha con. Mặt khác dựa vào số liệu tần suất ‘gen alen’ của người Việt Nam ở các loci trên và sau khi so sánh những dữ liệu có được với một người Việt Nam không liên hệ huyết thống, xác suất ông Nguyễn Văn M là cha đẻ của Lê Nguyễn Hồng G là 99.9999% ‘. Tòa án đã tiến hành công bố Kết quả xét nghiệm DNA nhưng các bên đương sự vẫn không có ý kiến tranh chấp đối với kết quả giám định.*

Từ những căn cứ đã phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M. Xác định ông Nguyễn Văn M là cha đẻ của trẻ Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/8/2014. Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn M được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cải chính hộ tịch cho trẻ Lê Nguyễn Hồng G.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H tại phiên tòa: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: các Điều 88, 90, 91, 101, 102 và 128 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 267; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.
 - Xác định ông Nguyễn Văn M là cha đẻ của trẻ Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 16/8/2014.
 - Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn M được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cải chính hộ tịch cho trẻ Lê Nguyễn Hồng G.
2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.H;
- VKSND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Lưu VP, hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thành

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

